TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 29 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 229/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H1 - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mỹ H1 - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An và ông Nguyễn Văn N - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Mỹ H1 được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 09/10/2005 và Nguyễn Như Q, sinh ngày

17/5/2008, theo nguyện vọng của con chung, con chung đang sống với bà H1. Ông Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung bà H1 và ông N có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn.

Bà H1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0008135 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà H1 tự nguyện nộp thay phần án phí của ông N. Sau khi khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H1 đã nộp, bà H1 và ông N đã nộp đủ án phí. Trả lại cho bà H1 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H;
- Ủy ban nhân dân xã MTB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hùng Vương